

Vấn đề thực hiện công bằng xã hội*

Phạm Xuân Nam

I. Các hình thức công bằng xã hội đã được thực hiện trong lịch sử

Trong tiến trình của lịch sử nhân loại đã từng có nhiều quan niệm khác nhau về công bằng xã hội, do đó cũng có nhiều hình thức công bằng xã hội đã được thực hiện tương thích với những quan niệm khác nhau ấy.

Chẳng hạn, ở Trung Quốc thời cổ đại, người ta đã áp dụng chế độ tề điền: Từng khoảnh đất trông rọt được chia theo hai đường dọc và hai đường ngang để hình thành 9 phần bằng nhau. Người cày ruộng được lĩnh mỗi người một phần trong 8 miếng, miếng ở giữa tất cả đều cùng làm và sản phẩm được sử dụng vào công ích. Những đường phân giới được dùng làm mương dẫn nước.

Như vậy, ở đây công bằng xã hội được thực hiện chủ yếu trong phân chia đất đai sản xuất (lĩnh vực kinh tế) và sản phẩm của một phần ruộng đất chung được dùng để giải quyết các nhu cầu của cộng đồng (lĩnh vực xã hội).

ở Việt Nam vào thời trung cổ (từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX): Mặc dù chế độ quân chủ trung ương tập quyền đã hình thành sớm, chế độ tư hữu về ruộng đất đã dần dần phát triển, sự phân hóa giai cấp giữa địa chủ và nông dân đã rõ rệt, song ở các làng xã vẫn tồn tại dai dẳng chế độ ruộng công (có từ 1/4 đến 1/2 tổng số ruộng đất). Cứ 3 - 5 năm người ta chia lại ruộng đất đó. Mỗi người dân trong xã thôn được nhận một phần đều nhau. Điều này đã góp phần hạn chế sự chênh lệch giàu nghèo quá mức trong xã hội. Ngoài ra, mỗi làng xã còn để dành ra một số ruộng công để dùng vào việc thờ cúng (tù điền), nuôi thầy đồ (học điền), trợ cấp cho những gia đình có người đi lính (lương điền), v.v...

Về giáo dục, tất cả mọi người - dù dòng dõi quý tộc hay bình dân - đều có thể học hành và tiến thân bằng con đường thi cử. Do đó, những học sinh nghèo có tài, có chí vẫn có thể trúng tuyển ở các kỳ thi và ra làm quan. "Hơn nữa, quyền lực của quan lại được cân bằng bằng tính tự trị của xã thôn"¹, như Nguyễn ái Quốc đã nhận xét trong một bài viết từ năm 1924.

Như vậy, chế độ phong kiến ở nước ta vốn bảo lưu nhiều nét đặc thù của phương thức sản xuất châu á. Điều đó có mặt tiêu cực là làm cho sự phân công lao động xã hội chậm phát triển, nền nông nghiệp sản xuất nhỏ tự cấp tự túc trì trệ kéo dài, nhưng lại có mặt tích cực là đã thực hiện được công bằng ở những mức độ nhất định về kinh tế, văn hóa, xã hội có tác dụng đoàn kết các tầng lớp nhân dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp chống ngoại xâm luôn là một nhiệm vụ được đặt ra trước toàn dân tộc.

Thật khó có đủ tài liệu để nói về các hình thức công bằng xã hội đã thực hiện trong các

* Tiếp theo bài: Về khái niệm "phân tầng xã hội" in trên Tạp chí Xã hội học số 1 (97), 2007, từ trang 3 đến trang 9.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Tập 1. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1995. Tr. 465.

giai đoạn lịch sử xã hội ở nhiều nước khác. Vì thế dưới đây sẽ chỉ tập trung trình bày một số hình thức công bằng xã hội tiêu biểu đã được thực hiện ở các nước khác nhau trong lịch sử thế giới thời hiện đại mà mỗi loại hình đó lại thường gắn với một mô hình kinh tế nhất định.

Thứ nhất, các hình thức công bằng xã hội trong mô hình kinh tế thị trường xã hội

Sau hơn một thế kỷ áp dụng lý thuyết của chủ nghĩa tự do cổ điển do Smith đề xướng, nền kinh tế thị trường tự do của các nước tư bản đều không tự động dẫn đến “hài hòa xã hội” như tác giả mong muốn. Trái lại, từ cuối thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XX (thậm chí cho đến cả ngày nay nữa), nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa đã trải qua nhiều cuộc suy thoái hoặc khủng hoảng chu kỳ mà điển hình là cuộc đại khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 nổ ra trước tiên ở Mỹ rồi lan nhanh ra toàn thế giới tư bản, làm gay gắt thêm hàng loạt vấn đề xã hội nan giải, nhất là nạn thất nghiệp tràn lan, chứa đựng những nguy cơ bùng nổ xã hội nghiêm trọng.

Đứng trước tình hình ấy, hầu hết các nước tư bản phát triển, nhất là ở Tây và Bắc Âu, đã dần dần chuyển từ nền kinh tế thị trường tự do thành nền kinh tế thị trường xã hội theo lý thuyết của nhà kinh tế học Anh nổi tiếng J. M. Keynes (1883-1946).

Theo lý thuyết này, người ta đã áp dụng nền kinh tế thị trường có điều tiết bởi nhà nước phúc lợi nhằm tạo ra sự đồng thuận xã hội cho phát triển.

Ví dụ điển hình cho việc thực hiện những điều nói trên là Nhà nước phúc lợi Thụy Điển do Đảng xã hội-dân chủ cầm quyền trong nhiều thập kỷ. Về cơ bản, Nhà nước này đã thi hành chính sách điều tiết thu nhập của các tầng lớp dân cư thông qua việc đánh thuế theo lũy tiến để có nguồn chi ở mức cao nhất thế giới cho việc phát triển giáo dục, y tế và thực hiện các chế độ trợ cấp cho bà mẹ, trẻ em, người già, người tàn tật, người thất nghiệp...

Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh kinh tế ngày càng gay gắt, các chính sách phúc lợi xã hội rộng rãi dựa trên thuế thu nhập đánh theo lũy tiến, một mặt dè ra tình trạng lạm dụng các trợ cấp xã hội ở mức độ lớn trong dân chúng, mặt khác gây ra sự bất mãn trong các chủ doanh nghiệp giàu có; nhiều nhà tư bản đã chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài.

Đó là lý do giải thích tại sao nền kinh tế Thụy Điển sau thời kỳ “hoàng kim” đã dần dần rơi vào trì trệ, suy thoái từ cuối những năm 1970 - đầu những năm 1980. Hệ quả là Đảng xã hội - dân chủ bị gạt ra khỏi chính quyền 2 lần vào những năm 1976 - 1982 và 1991 - 1994. Khi trở lại cầm quyền, họ buộc phải cắt giảm đáng kể mức chi cho trợ cấp thất nghiệp, trợ cấp cho trẻ em, trợ cấp cho người tàn tật và một số khoản phúc lợi xã hội khác. Những cắt giảm này được người ta biện minh rằng: “Phải dỡ bỏ các bộ phận của chế độ phúc lợi nhằm cứu vãn cốt lõi của chế độ này”².

Thứ hai, các hình thức được xem là công bằng xã hội trong mô hình kinh tế thị trường tự do

Trong gần ba thập kỷ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, lý thuyết của Keynes về nền

² Hans-Ingvan Johnsson: *Bức tranh toàn cảnh Thụy Điển*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1997. Tr. 177.

kinh tế thị trường có điều tiết bởi nhà nước phúc lợi xã hội đã giành được địa vị chi phối tại hầu hết các nước tư bản phát triển. Nhưng từ cuối những năm 1970 - đầu những năm 1980, khi cuộc cách mạng khoa học-công nghệ hiện tại phát triển như vũ bão, xu thế toàn cầu hóa ngày càng gia tăng, thì nhà nước phúc lợi đã tỏ ra “có những dấu hiệu kiệt sức”³ trong việc giải quyết mâu thuẫn giữa cuộc chạy đua giành lợi nhuận tối đa của các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia và nhu cầu cải thiện đời sống của quảng đại quần chúng nhân dân ở những nước áp dụng mô hình kinh tế thị trường xã hội.

Trước tình hình đó, những nhà kinh tế học vốn có quan điểm đối lập với Keynes đã tìm cách làm sống lại một số luận điểm của chủ nghĩa tự do cổ điển, nhưng có gia giảm thêm bằng một số “đơn thuốc” của trường phái trọng thương, nhất là trường phái trọng tiền (monetarism) do nhà kinh tế Mỹ M. Friedman sáng lập để đưa ra lý luận về chủ nghĩa tự do mới (neoliberalism).

Phương châm của chủ nghĩa tự do mới là “*thị trường nhiều hơn, nhà nước ít hơn*”. Nhưng nếu phân tích chi tiết ra thì phương châm đó bao gồm các nội dung: i) tăng thị trường; ii) giảm nhà nước; iii) phi điều tiết hóa; iv) tự do hóa; v) tư nhân hóa. Thực hiện các nội dung trên, người ta đã thu hẹp khu vực sở hữu nhà nước, đẩy mạnh tư nhân hóa, tránh sự can thiệp của nhà nước vào công việc kinh doanh, giảm chi từ ngân sách cho các quỹ phúc lợi xã hội, giảm thuế đối với những người có thu nhập cao cũng như đối với lợi nhuận của các công ty tư bản nhằm kích thích họ “tiết kiệm và đầu tư”.

áp dụng các biện pháp đó, người ta hứa hẹn với quần chúng lao động đại ý rằng: tăng trưởng kinh tế phải đi trước, công bằng xã hội sẽ theo sau, người nghèo hãy kiên tâm chờ đợi!

Dựa vào tài liệu của Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế là những thiết chế tài chính nhiệt liệt cổ vũ cho việc cải cách nền kinh tế theo mô hình của chủ nghĩa tự do mới, R. Bergeron, tác giả của cuốn *Phản phát triển - cái giá của chủ nghĩa tự do* đã ước tính thời gian mà người nghèo phải chờ đợi là 31 năm: 15 năm đầu, mức sống của họ không tránh khỏi sẽ tiếp tục xấu đi, từ năm thứ 16 mới bắt đầu có cải thiện chút ít và từ năm thứ 31 họ sẽ được hưởng nhiều lợi ích hơn của sự tăng trưởng⁴.

Một trường phái của chủ nghĩa tự do mới là chủ nghĩa bảo thủ mới còn đưa ra khẩu hiệu “*Tăng trưởng và nhỏ giọt từ trên xuống*” (Growth and trickle down)⁵, nghĩa là trước hết phải có tăng trưởng kinh tế đã thì sau đó mới có thể có một số ít của cải của tầng lớp trên giàu có rơi rớt xuống cho tầng lớp dưới nghèo khổ. Đối với trường phái này, điều đó chẳng những là tất nhiên mà còn là “công bằng” nữa!

Tuy vậy, phân tích một cách khách quan, ta cũng cần thừa nhận rằng: Trong khi đẩy mạnh quá trình tư nhân hóa theo quan điểm của chủ nghĩa tự do mới, nhà cầm quyền ở một số nước tư bản, kể cả ở Mỹ, đã khuyến khích việc thực hiện sở hữu cổ phần của người lao

³ Sophie Bessis: *From social exclusion to social cohesion-a policy agenda*. UNESCO. Paris. P. 27.

⁴ Xem Richard Bergeron: *Phản phát triển - cái giá của chủ nghĩa tự do*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1995. Tr. 240-241.

⁵ Sophie Bessis. Sđd. Tr. 18.

động thông qua chính sách ưu đãi thuế cho những doanh nghiệp nào đã trao cho công nhân của mình cổ phần cũng như đã vận dụng kế hoạch phân chia lợi nhuận trong công nhân. Theo số liệu của Trung tâm quốc gia về sở hữu của người lao động Mỹ, năm 1997 những người lao động đã kiểm soát khoảng 8,3% toàn bộ sở hữu công ty/tập đoàn ở nước này⁶. Xét về hình thức thì “việc xây dựng sở hữu của những người lao động, nhà nước muốn bằng cách đó phân chia công bằng sở hữu, cải thiện quan hệ giữa lao động và tư bản đồng thời đề cao những nhân tố khuyến khích lao động”⁷. Song, xét về thực chất, việc thực hiện sở hữu cổ phần của người lao động chỉ là một biện pháp xoa dịu mâu thuẫn giữa tư bản và lao động. Bởi những người lao động - sở hữu thường là thiểu số trong những chủ sở hữu tư bản cổ phần và do đó họ hầu như không có ảnh hưởng gì tới hoạt động của các công ty/tập đoàn.

Điều đó giải thích tại sao, sau gần 1/4 thế kỷ áp dụng lý thuyết của chủ nghĩa tự do mới (kể từ thời chính quyền Reagan), những bất công trong xã hội Mỹ chẳng những không giảm mà còn có xu hướng tăng lên.

Theo Cục điều tra dân số Mỹ, tỷ lệ nghèo trong dân số nước này đã tăng từ 11,3%, tức 31,6 triệu người năm 2000 lên 13,9%, tức 35,1 triệu người năm 2002. Còn theo số liệu do Bộ Lao động Mỹ công bố ngày 3-7-2003, thì ở Mỹ có 9,2 triệu người thất nghiệp; nếu tính cả những người thất nghiệp nhưng không nhận được bất kỳ sự trợ giúp nào thì con số là 13,9 triệu⁸.

Thứ ba, các hình thức công bằng xã hội trong mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung phi thị trường

Khác với hai loại hình nêu trên, ở Liên Xô cũ và hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, các hình thức công bằng xã hội đã được thực hiện trong mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung phi thị trường.

Đây là mô hình kinh tế dựa trên chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất, được quản lý bằng một hệ thống chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh chi tiết từ trên giao xuống đối với cả sản xuất và phân phối sản phẩm làm ra thông qua chế độ cấp phát và giao nộp theo quan hệ hiện vật là chủ yếu. Trong một thời gian, mô hình kinh tế này đã từng phát huy tác dụng tích cực trong việc thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa theo kiểu cổ điển, nâng cao tiềm lực kinh tế và quốc phòng, đồng thời tạo nên sự bình ổn xã hội bằng những chính sách quan tâm đến mọi mặt của đời sống nhân dân. Mọi người đến tuổi lao động đều có công ăn việc làm, nạn thất nghiệp bị xóa bỏ. Ai nấy đều được học tập và chữa bệnh không mất tiền, các chế độ nghỉ ngơi và hưởng thụ văn hóa cơ bản được đáp ứng. Hầu hết gia đình ở thành thị và phần lớn gia đình ở nông thôn được cung cấp nhà. Những người già cô đơn và trẻ em mồ côi được nhà nước nuôi dưỡng... Tóm lại, những nhu cầu thiết yếu trong đời sống vật chất và văn hóa của người dân đều được nhà nước

⁶ Theo Đỗ Lộc Diệp: *Chủ nghĩa tư bản ngày nay: Những nét mới từ thực tiễn Mỹ, Tây Âu, Nhật*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội - 2002. Tr. 107-110.

⁷ Theo Đỗ Lộc Diệp: *Chủ nghĩa tư bản ngày nay: Những nét mới từ thực tiễn Mỹ, Tây Âu, Nhật*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội - 2002. Tr. 112.

⁸ Jay Shaft: *Nghèo và thất nghiệp ở Mỹ*. Dẫn theo *Bản tin số 19* của Hội đồng Lý luận Trung ương.

và tập thể bao cấp từ A đến Z. Nhưng càng về sau mô hình kinh tế đó càng bộc lộ nhiều khuyết tật mà chủ yếu là các nhu cầu về xã hội vượt quá khả năng đáp ứng của một nền kinh tế thiếu năng động, kém hiệu quả, rất chậm trễ trong việc ứng dụng những thành tựu khoa học-công nghệ mới nhất vào sản xuất do cơ chế kế hoạch hóa tập trung cao độ dần dần biến thành tập trung quan liêu và thực hiện chế độ phân phối theo lao động trên danh nghĩa, nhưng trên thực tế là theo chủ nghĩa bình quân. Chính điều đó đã kìm hãm, thậm chí triệt tiêu động lực của sự phát triển, khiến cho Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác rập khuôn theo mô hình Xô viết dần dần tỏ ra lạc hậu về kinh tế so với các nước tư bản phát triển.

Theo các số liệu thống kê, thu nhập quốc dân tính bình quân hàng năm của Liên Xô từ mức 7,8% trong những năm 1966-1970 đã lần lượt giảm xuống 5,7%, 4,3% và 3,6% trong ba kế hoạch 5 năm kế tiếp⁹. Đến năm 1986, giá trị tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Liên Xô tương đương 1.800 tỷ USD, của Mỹ là 3.900 tỷ USD, của Nhật Bản là 1.700 tỷ USD. Đầu năm 1988, Nhật Bản tuyên bố đã vượt Liên Xô, trở thành cường quốc kinh tế lớn thứ hai trên thế giới¹⁰. Vị trí của Liên Xô bị thách thức nghiêm trọng. Bức tranh kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa khác cũng không sáng sủa gì hơn.

Để khắc phục sự chậm trễ về khoa học-công nghệ, sự lạc hậu về kinh tế, việc cải tổ, cải cách, đổi mới mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội mà nền tảng là nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp trở thành yêu cầu khách quan, bức xúc.

Lúc đầu, những người lãnh đạo cao nhất ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu trước đây đã đưa ra lời hứa hẹn: cải tổ, cải cách để "có nhiều chủ nghĩa xã hội hơn". Nhưng chẳng bao lâu sau, những khuynh hướng lệch lạc đã bộc lộ, như phủ nhận mọi thành quả của quá trình mấy chục năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, bôi đen lịch sử cách mạng, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, hạ thấp đi đến từ bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, thực hiện dân chủ cực đoan, tự do hóa tư sản, xa rời mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Vì thế, cải tổ, cải cách chẳng những không sửa chữa được những sai lầm đã qua, mà còn làm cho khủng hoảng kinh tế-xã hội ngày càng trầm trọng, rồi biến thành khủng hoảng chính trị gay gắt, và cuối cùng đã đưa chế độ xã hội chủ nghĩa ở những nơi đó rơi vào thảm họa đổ vỡ.

Từ thực tế của việc áp dụng các hình thức công bằng xã hội trong điều kiện của ba loại mô hình kinh tế nêu trên, trong những năm gần đây, càng ngày càng có thêm nhiều nhà khoa học tiến bộ, nhiều nhà hoạt động chính trị sáng suốt cho rằng: cần phải điều chỉnh, thậm chí xây dựng lại các lý thuyết và mô hình phát triển của các quốc gia sao cho tăng trưởng kinh tế không mâu thuẫn mà có thể kết hợp với tiến bộ và công bằng xã hội.

Ngay ở Mỹ, trái với quan điểm của giới cầm quyền, đại diện cho lợi ích của các tập đoàn tư bản tài chính khổng lồ, một số nhà khoa học có đầu óc tinh táo đã đề xuất ý tưởng về việc thực hiện tăng trưởng trong công bằng. Chẳng hạn, nhà xã hội học Mỹ Frank Scarpati cho rằng mục tiêu công bằng xã hội có thể thực hiện được thông qua một số chính sách làm giảm sự tập trung những nguồn tài nguyên kinh tế trong tay một số ít người nắm độc quyền

⁹ N. C. Baibacóp: *Từ Xtalín đến Enxin*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 2001. Tr. 25.

trong xã hội. Nhưng ông không nói rõ làm thế nào để thực hiện được chính sách đó trong lòng xã hội Mỹ.

Mặc dù đi theo nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, nhưng với truyền thống văn hóa của mình, trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, Ấn Độ đã xác định phương châm phát triển trong công bằng và đoàn kết. Cũng vậy, *Tầm nhìn 2020* của Malaixia được xây dựng từ 1990 đã đề ra mục tiêu tăng gấp 8 lần tổng thu nhập quốc dân trong vòng 30 năm, đồng thời thực hiện công bằng xã hội, ổn định chính trị, bảo vệ các giá trị tinh thần của dân tộc.

Đáng chú ý là, tiếp theo những thành tựu rất ngoạn mục của hơn 20 năm cách cách mở cửa, Đại hội XVI của Đảng Cộng sản Trung Quốc (2002) đã nhấn mạnh nhiệm vụ hoàn thiện nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, duy trì tốc độ tăng trưởng cao và bền vững nhằm thực hiện mục tiêu cùng giàu có, xã hội công bằng, phân chia một cách hợp lý những thành quả kinh tế - xã hội để tất cả các thành viên trong xã hội đều được hưởng.

Nêu lên một số ví dụ trên đây để chúng ta theo dõi, nghiên cứu, tham khảo những bài học kinh nghiệm của các nước khác trong khu vực và trên thế giới trong việc giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội, qua đó vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của nước nhà.

II. Vấn đề công bằng xã hội hiện nay

Như trên đã trình bày, trải qua quá trình lịch sử phát triển lâu dài của xã hội loài người, nội hàm của khái niệm công bằng xã hội đã có nhiều thay đổi. Song nhìn chung, cho đến những thập kỷ gần đây, công bằng về kinh tế vẫn được xem là yếu tố cốt lõi của công bằng xã hội. Vấn đề công bằng xã hội trong các lĩnh vực khác tuy có được đề cập đến ở những mức độ khác nhau nhưng chưa được đi sâu phân tích một cách thỏa đáng.

Ngày nay, trong tư duy phát triển hiện đại, nội hàm của công bằng xã hội được bổ sung và mở rộng đáng kể. Điểm bổ sung và mở rộng quan trọng thể hiện ở chỗ, công bằng xã hội không chỉ bó hẹp trong công bằng về kinh tế - mặc dù đây vẫn là yếu tố nền tảng - mà còn là công bằng trong việc tham gia và thụ hưởng kết quả hoạt động trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, pháp lý, văn hóa, xã hội. Các lĩnh vực này có mối liên hệ tác động qua lại gắn bó hữu cơ với nhau.

Từ giữa những năm 90 của thế kỷ trước, các chuyên gia hàng đầu của Chương trình phát triển Liên Hợp quốc (UNDP) đã đề xướng một quan niệm mới cho rằng *nội dung bao trùm của công bằng xã hội là công bằng về cơ hội phát triển*¹¹. Khi một cá nhân hay một chủ thể nào đó có được cơ hội phát triển công bằng so với các cá nhân và các chủ thể khác thì anh ta có thể đề đạt được và duy trì một cách vững chắc sự công bằng trong thu nhập và hưởng

¹⁰ Du Thúy: *Mùa xuân và mùa đông Mátxcova*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1995. Tr. 9.

¹¹ Xem thêm Đỗ Hoài Nam: *Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam* (Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo về *Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*); Trần Đình Thiên: *Công bằng xã hội và mối quan hệ của nó với tăng trưởng kinh tế* (Tham luận tại Hội thảo về *Vấn đề phân phối và phân hóa giàu nghèo*).

thụ các thành quả ở tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Hiển nhiên là công bằng về cơ hội phát triển phải được thể hiện ở sự công bằng về *cơ hội tiếp cận các nguồn lực phát triển* đối với mỗi cá nhân hay mỗi chủ thể. Các nguồn lực đó thường bao gồm: i) quyền sở hữu tài sản hoặc quyền sử dụng các tài sản trong cộng đồng xã hội (ruộng đất, công cụ, thiết bị, tín dụng...); ii) thị trường lao động, thông tin kinh tế; iii) trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp, nghệ thuật quản lý...

Ngày nay, khi nhiều nước trên thế giới đang chuyển sang nền kinh tế tri thức, thì nguồn lực trí tuệ (học vấn, kỹ năng nghề nghiệp, nghệ thuật quản lý) ngày càng có vai trò quyết định trong các nguồn lực phát triển.

Công bằng về cơ hội phát triển và sự thể hiện của nó trong công bằng về cơ hội tiếp cận các nguồn lực phát triển do đó bao hàm cả sự *công bằng trong phân phối các điều kiện sản xuất và công bằng trong phân phối tư liệu tiêu dùng* (phân phối thu nhập). Về vấn đề này, C. Mác đã từng chỉ ra rằng: "Bất kỳ sự phân phối nào về tư liệu tiêu dùng cũng chỉ là hậu quả của sự phân phối chính ngay những điều kiện sản xuất, nhưng sự phân phối những điều kiện sản xuất lại là một tính chất của chính ngay phương thức sản xuất"¹².

Điều đó giải thích tại sao, khi quyết định chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa (nói gọn là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa) nhằm năng động hóa và đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, Đảng ta đã đề ra chủ trương: "*Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong những bước và trong suốt quá trình phát triển. Công bằng xã hội phải thể hiện ở cả khâu phân phối tư liệu sản xuất lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất, ở việc tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình*"¹³. Đối với kết quả sản xuất, Đảng khẳng định: "Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội, đi đôi với chính sách điều tiết hợp lý, bảo vệ quyền của người lao động"¹⁴.

Như vậy, các quan điểm đổi mới của Đảng ta về việc giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội trong điều kiện của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vừa là sự kế thừa và phát triển những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin vừa có nhiều điểm trùng khớp với tư duy hiện đại về công bằng xã hội trong phát triển của thế giới ngày nay, mà hai điểm then chốt là:

- Gắn công bằng trong phân phối điều kiện sản xuất với công bằng trong phân phối thu nhập phù hợp với tính chất của nền kinh tế;

¹² C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*. Tập 19. Đã dẫn. Tr. 36.

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1996. Tr. 113.

- Đặc biệt coi trọng việc tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình.

Để thực hiện được những điểm nêu trên thì rõ ràng chủ thể lãnh đạo và quản lý đất nước phải *tạo ra những điều kiện cần thiết về cơ chế và chính sách* đảm bảo cho mọi người dân - nhất là những người yếu thế và dễ bị tổn thương ở các vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, những gia đình thương binh, liệt sĩ... - đều được làm chủ một phần tư liệu sản xuất, được hưởng một nền giáo dục cơ bản, được hướng dẫn và đào tạo về nghề nghiệp, được chăm sóc về sức khỏe, được tiếp cận các dịch vụ về tín dụng, tư vấn pháp luật và thông tin, được giúp đỡ lúc gặp khó khăn... để họ có thể lo liệu và dần dần cải thiện đời sống của bản thân và gia đình, đồng thời góp phần xây dựng đất nước. Đó chính là biện pháp cơ bản nhằm thực hiện công bằng xã hội theo hướng vừa khuyến khích làm giàu hợp pháp vừa đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, về thu nhập và mức sống giữa các tầng lớp dân cư, các dân tộc, các vùng miền trong nước.

¹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1996. Tr. 113 - 114.